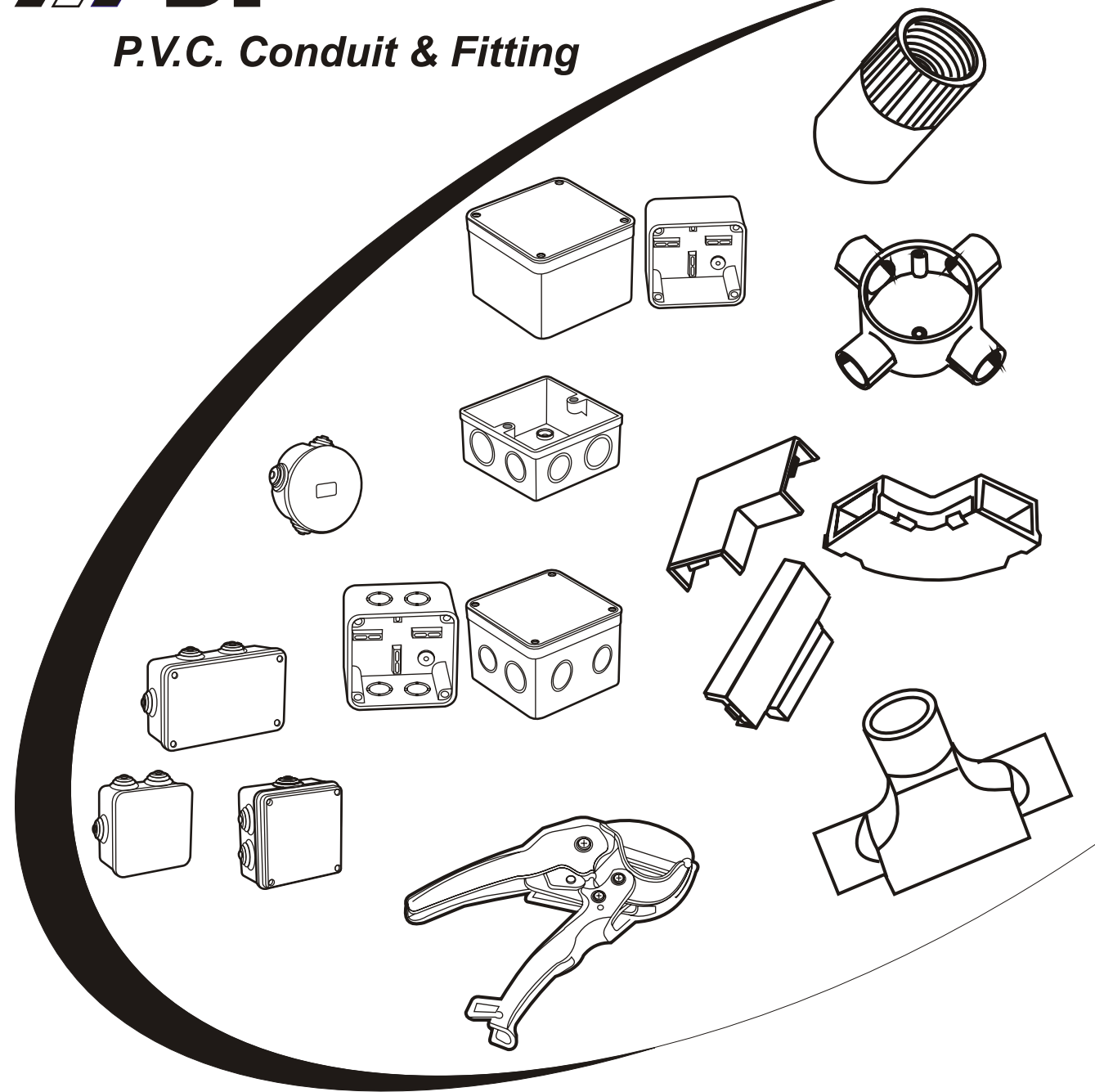


ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN



P.V.C. Conduit & Fitting



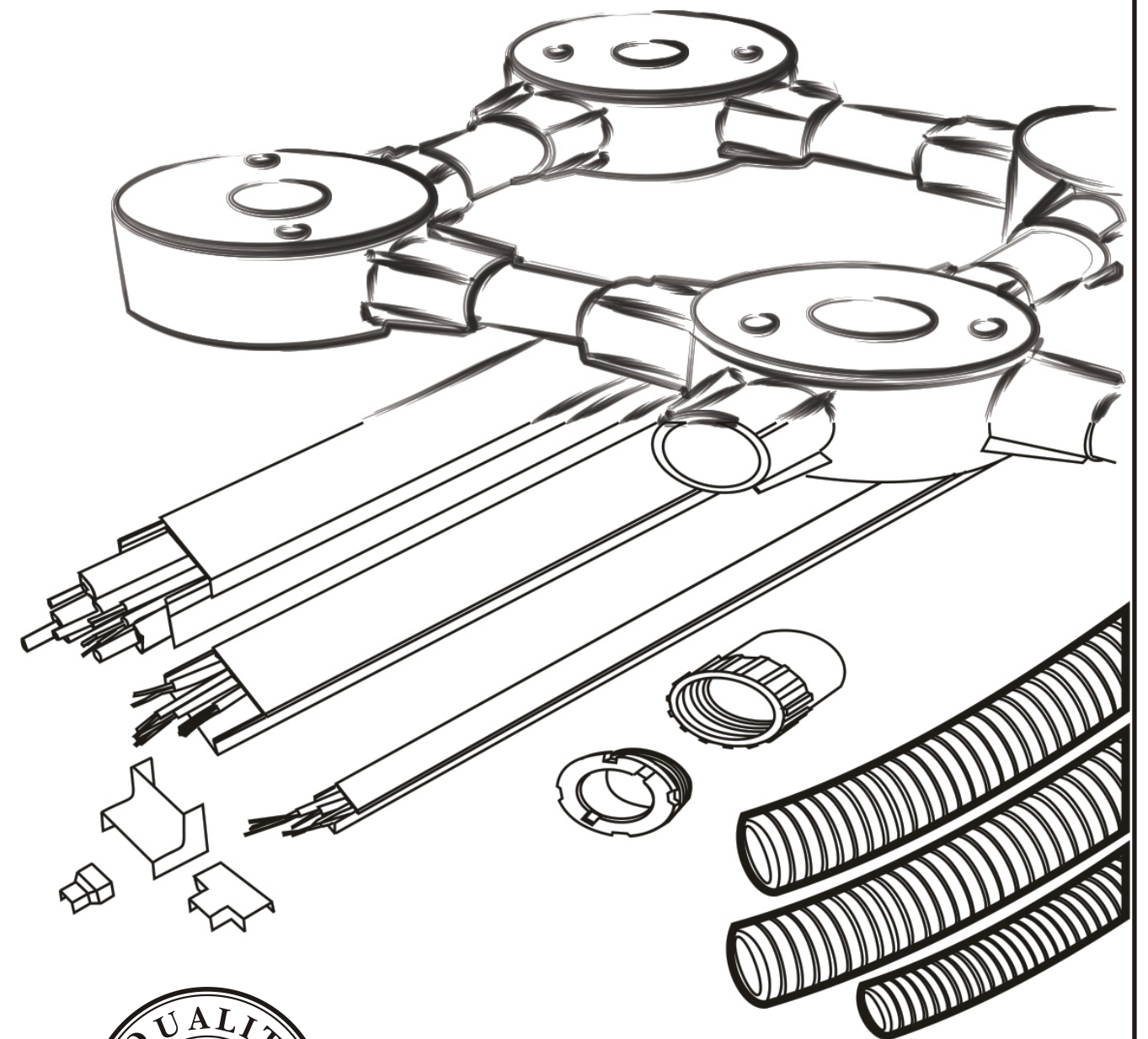
For more detail please contact:
Liên hệ tại

Product Catalogue

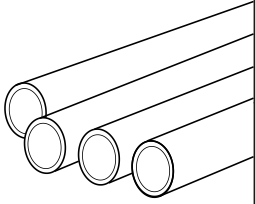
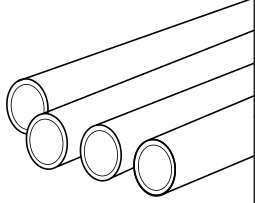
PVC Conduit & Fitting
PVC Trunkings
PVC Flexible Conduit

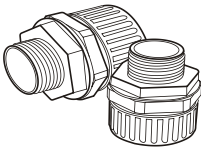
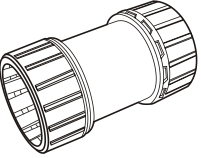
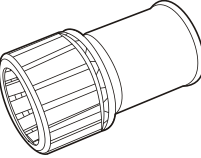
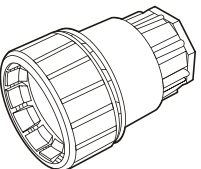
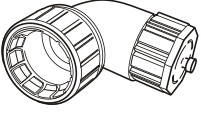


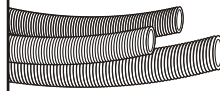
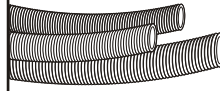
P.V.C. Conduit & Fitting

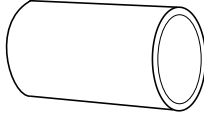
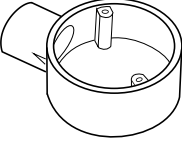
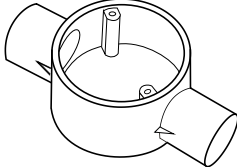
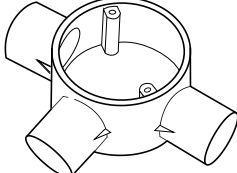
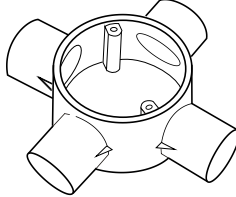


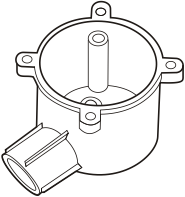
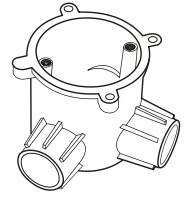
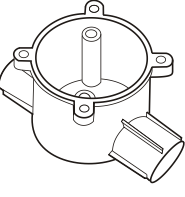
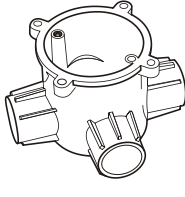
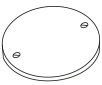
ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN

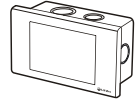
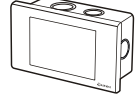
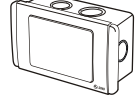
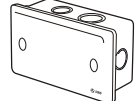
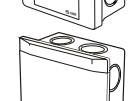
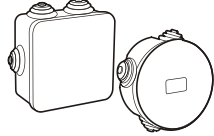
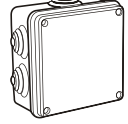
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Ống luồn dây điện 750N (Dài 2.92m/cây) - 750N Rrigid Conduit - Recessed Mounted			
	SP 9016	Ống luồn dây điện 750N - SP16 750N - 16mm Rigid Conduit - Wall Thickness 1.40mm	20.500
	SP 9020	Ống luồn dây điện 750N - SP20 750N - 20mm Rigid Conduit - Wall Thickness 1.55mm	29.000
	SP 9025	Ống luồn dây điện 750N - SP25 750N - 25mm Rigid Conduit - Wall Thickness 1.80mm	40.000
	SP 9032	Ống luồn dây điện 750N - SP32 750N - 32mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.10mm	80.500
	SP 9040	Ống luồn dây điện 750N - SP40 750N - 40mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.30mm	111.000
	SP 9050	Ống luồn dây điện 750N - SP50 750N - 50mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.80mm	148.000
	SP 9060	Ống luồn dây điện 750N - SP60 750N - 60mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.90mm	152.000
	SP 9063	Ống luồn dây điện 750N - SP63 750N - 63mm Rigid Conduit - Wall Thickness 3.00mm	178.000
Ống luồn dây điện 1250N (Dài 2.92m/cây) - 1250N Rrigid Conduit - Recessed Mounted			
	SP 9016H	Ống luồn dây điện 1250N - SP16 1250N - 16mm Rigid Conduit - Wall Thickness 1.75mm	25.500
	SP 9020H	Ống luồn dây điện 1250N - SP20 1250N - 20mm Rigid Conduit - Wall Thickness 1.95mm	36.500
	SP 9025H	Ống luồn dây điện 1250N - SP25 1250N - 25mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.00mm	52.800
	SP 9032H	Ống luồn dây điện 1250N - SP32 1250N - 32mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.50mm	113.000
	SP 9040H	Ống luồn dây điện 1250N - SP40 1250N - 40mm Rigid Conduit - Wall Thickness 2.60mm	143.000
	SP 9050H	Ống luồn dây điện 1250N - SP50 1250N - 50mm Rigid Conduit - Wall Thickness 3.15mm	179.000

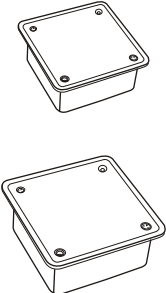
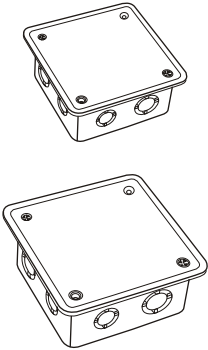
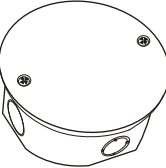
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Khớp nối ren ống đàn hồi - Straight Glands			
	E251/16	Khớp nối ren ống đàn hồi Ø16 Straight Glands - 16mm	6.320
	E251/20	Khớp nối ren ống đàn hồi Ø20 Straight Glands - 20mm	8.420
	E251/25	Khớp nối ren ống đàn hồi Ø25 Straight Glands - 25mm	10.500
Nối thẳng ống đàn hồi - Expansion coupling for Flexible Conduit			
	E252/20	Nối thẳng ống đàn hồi Ø20 Expansion coupling for Flexible Conduit - Ø20	6.320
	E252/25	Nối thẳng ống đàn hồi Ø25 Expansion coupling for Flexible Conduit - Ø25	8.420
	E252/32	Nối thẳng ống đàn hồi Ø32 Expansion coupling for Flexible Conduit - Ø32	10.500
Nối thẳng ống đàn hồi với ống tròn cứng - Plain to corrugated coupling adapters			
	E253/20	Nối thẳng ống đàn hồi với ống tròn cứng Ø20 Plain to corrugated coupling adapters - Ø20	4.150
	E253/25	Nối thẳng ống đàn hồi với ống tròn cứng Ø25 Plain to corrugated coupling adapters - Ø25	6.700
	E253/32	Nối thẳng ống đàn hồi với ống tròn cứng Ø32 Plain to corrugated coupling adapters - Ø32	8.200
Khớp nối ren thẳng ống đàn hồi - Straight glands female for Flexible Conduit			
	E251B/20	Khớp nối ren thẳng ống đàn hồi Ø20 Straight glands female for Flexible Conduit Ø20	4.750
	E251B/25	Khớp nối ren thẳng ống đàn hồi Ø25 Straight glands female for Flexible Conduit Ø25	8.200
	E251B/32	Khớp nối ren thẳng ống đàn hồi Ø32 Straight glands female for Flexible Conduit Ø32	9.500
Khớp nối ren 90° ống đàn hồi - 90° angled°gland female for Flexible Conduit			
	E251C/20	Khớp nối ren 90° ống đàn hồi Ø20 90° angled gland female for Flexible Conduit - Ø20	7.880
	E251C/25	Khớp nối ren 90° ống đàn hồi Ø25 90° angled gland female for Flexible Conduit - Ø25	10.200
	E251C/32	Khớp nối ren 90° ống đàn hồi Ø32 90° angled gland female for Flexible Conduit - Ø32	12.600

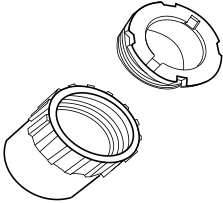
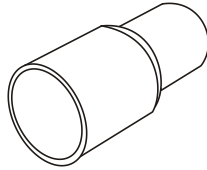
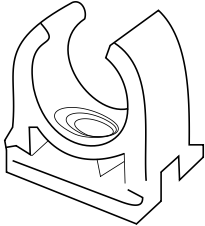
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)	
Ống đàn hồi - Loại tự chống cháy - Flexible Conduit				
	SP 9016CM	Ống đàn hồi SP16(50m/cuộn) 16mm Flexible Conduit - 50m/Coil	3.800	190.000
	SP 9020CM	Ống đàn hồi SP20(50m/cuộn) 20mm Flexible Conduit - 50m/Coil	4.640	232.000
	SP 9025CM	Ống đàn hồi SP25(40m/cuộn) 40mm Flexible Conduit - 40m/Coil	6.525	261.000
	SP 9032CM	Ống đàn hồi SP32(25m/cuộn) 32mm Flexible Conduit - 25m/Coil	14.240	356.000
	SP 9040CM	Ống đàn hồi SP40(25m/cuộn) 40mm Flexible Conduit - 25m/Coil	25.680	642.000
	SP 9050CM	Ống đàn hồi SP50(25m/cuộn) 50mm Flexible Conduit - 25m/Coil	38.480	962.000
Ống thoát nước điều hòa và tưới tiêu nước Flexible Conduit for AIR - Conditioner and irrigation.				
	SP 9020DH	Ống thoát nước điều hòa và tưới tiêu nước Ø20 - (50m/cuộn) Ø20 Flexible Coupling for Air Conditioner and Irrigation	4.860	243.000
	SP9025DH	Ống thoát nước điều hòa và tưới tiêu nước Ø25 - (40m/cuộn) Ø25 Flexible Coupling for Air Conditioner and Irrigation	7.100	284.000

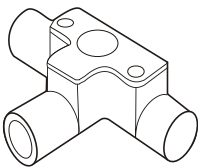
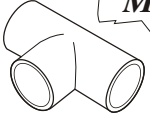
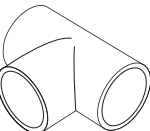
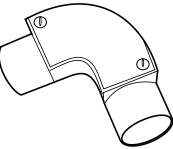
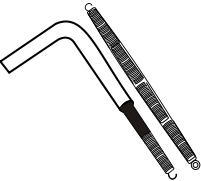
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Khớp nối trơn - Couplings			
	E242/16	Khớp nối trơn - Ø16 16mm Coupling	900
	E242/20	Khớp nối trơn - Ø20 20mm Coupling	980
	E242/25	Khớp nối trơn - Ø25 25mm Coupling	1.600
	E242/32	Khớp nối trơn - Ø32 32mm Coupling	2.200
	E242/40	Khớp nối trơn - Ø40 40mm Coupling	8.800
	E242/50	Khớp nối trơn - Ø50 50mm Coupling	14.500
	E242/60	Khớp nối trơn - Ø60 60mm Coupling	14.500
	E242/63	Khớp nối trơn - Ø63 63mm Coupling	14.500
Hộp chia ngả loại thấp - Junction Boxes			
	E240/16/1	Hộp chia ngả 1 đường Ø16 thấp 16mm 1 Way Junction Box	6.120
	E240/16/2	Hộp chia ngả 2 đường Ø16 thấp 16mm 2 Way Junction Box	6.120
	E240/16/2A	Hộp chia ngả 2 đường vuông góc Ø16 thấp 16mm 2 Way Angled unction Box	6.120
	E240/16/3	Hộp chia ngả 3 đường Ø16 thấp 16mm 3 Way Junction Box	6.120
	E240/16/4	Hộp chia ngả 4 đường Ø16 thấp 16mm 4 Way Junction Box	6.120
	E240/20/1	Hộp chia ngả 1 đường Ø20 thấp 20mm 1 Way Junction Box	6.320
	E240/20/2	Hộp chia ngả 2 đường Ø20 thấp 20mm 2 Way Junction Box	6.320
	E240/20/2A	Hộp chia ngả 2 đường vuông góc Ø20 thấp 20mm 2 Way Angled Junction Box	6.320
	E240/20/3	Hộp chia ngả 3 đường Ø20 thấp 20mm 3 Way Junction Box	6.320
	E240/20/4	Hộp chia ngả 4 đường Ø20 thấp 20mm 4 Way Junction Box	6.320
	E240/25/1	Hộp chia ngả 1 đường Ø25 thấp 25mm 1 Way Junction Box	7.150
	E240/25/2	Hộp chia ngả 2 đường Ø25 thấp 25mm 2 Way Junction Box	7.150
	E240/25/2A	Hộp chia ngả 2 đường vuông góc Ø25 thấp 25mm 2 Way Angled Junction Box	7.150
	E240/25/3	Hộp chia ngả 3 đường Ø25 thấp 25mm 3 Way Junction Box	7.150
	E240/25/4	Hộp chia ngả 4 đường Ø25 thấp 25mm 4 Way Junction Box	7.150

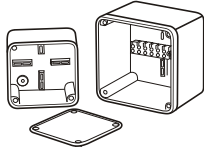
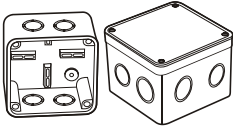
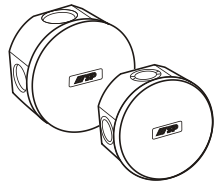
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Hộp chia ngã loại cao - Flush Deep Junction Boxes			
   	E240/16/1D	Hộp chia ngã 1 đường Ø16 cao 16mm 1 Way Deep Junction Box	17.800
	E240/16/2D	Hộp chia ngã 2 đường Ø16 cao 16mm 2 Way Deep Junction Box	17.800
	E240/16/2AD	Hộp chia ngã 2 đường vuông góc Ø16 cao 16mm 2 Way Angled Deep Junction Box	17.800
	E240/16/3D	Hộp chia ngã 3 đường Ø16 cao 16mm 3 Way Deep Junction Box	17.800
	E240/16/4D	Hộp chia ngã 4 đường Ø16 cao 16mm 4 Way Junction Box	17.800
	E240/20/1D	Hộp chia ngã 1 đường Ø20 cao 20mm 1 Way Deep Junction Box	18.500
	E240/20/2D	Hộp chia ngã 2 đường Ø20 cao 20mm 2 Way Deep Junction Box	18.500
	E240/20/2AD	Hộp chia ngã 2 đường vuông góc Ø20 cao 20mm 2 Way Angled Deep Junction Box	18.500
	E240/20/3D	Hộp chia ngã 3 đường Ø20 cao 20mm 3 Way Deep Junction Box	18.500
	E240/20/4D	Hộp chia ngã 4 đường Ø20 cao 20mm 4 Way Deep Junction Box	18.500
	E240/25/1D	Hộp chia ngã 1 đường Ø25 cao 25mm 1 Way Deep Junction Box	21.200
	E240/25/2D	Hộp chia ngã 2 đường Ø25 cao 25mm 2 Way Deep Junction Box	21.200
	E240/25/2AD	Hộp chia ngã 2 đường vuông góc Ø25 cao 25mm 2 Way Deep Angled Junction Box	21.200
	E240/25/3D	Hộp chia ngã 3 đường Ø25 cao 25mm 3 Way Deep Junction Box	21.200
	E240/25/4D	Hộp chia ngã 4 đường Ø25 cao 25mm 4 Way Deep Junction Box	21.200
Nắp đậy cho hộp chia ngã - Lid for Junction Boxes			
	E240LS	Nắp đậy hộp chia ngã Lid for Junction Box	1.600

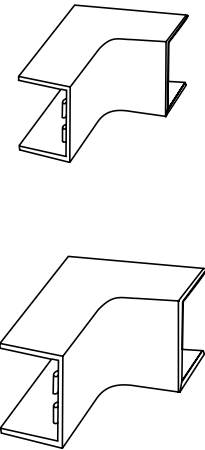
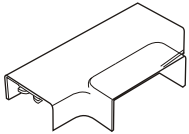
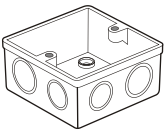
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Hộp nối dây dùng trong nội thất - Decor, Adaptable Box			
      	S18/30X +S2157	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S18 Decor Adaptable Box S18 Type	15.450
	S18C/30X +S2157	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S18C Decor Adaptable Box S18C Type	15.450
	S68G0 +S2157	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S68 Decor Adaptable Box S68 Type	31.750
	S190 +S2157	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S19 Decor Adaptable Box S19 Type	20.450
	S66G0 +S3157L	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S66 Decor Adaptable Box S66 Type	32.120
	S980 +S3157L	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S98 Decor Adaptable Box S98 Type	15.820
	S010 +S3157L	Hộp nối dây dùng trong nội thất kiểu mặt S2001 Decor Adaptable Box S2001 Type	15.200
Hộp nối dây chống thấm tự chống cháy - Weatherprof Box			
 	E265/1GY	Hộp nối dây chống thấm tự chống cháy 80 x 80 x 40 80mm x 80mm x 40 Weatherprof Box - IP44	40.200
	E265/2GY	Hộp nối dây chống thấm tự chống cháy 100 x 100 x 50 100mm x 100mm x 50 Weatherprof Box - IP55	50.500
	E265/3GY	Hộp nối dây chống thấm tự chống cháy 150 x 150 x 70 150mm x 150mm x 70 Weatherprof Box - IP55	124.000
	E265/GY	Hộp nối dây chống thấm tự chống cháy 150 x 110 x 70 150mm x 110mm x 70 Weatherprof Box - IP55	92.200
	E265/RGY	Hộp nối dây tròn chống thấm tự chống cháy D85 Ø85mm Weatherprof Box - IP44	37.600
	E265/R2GY	Hộp nối dây tròn chống thấm tự chống cháy D105 Ø105mm Weatherprof Box - Ip44	48.800

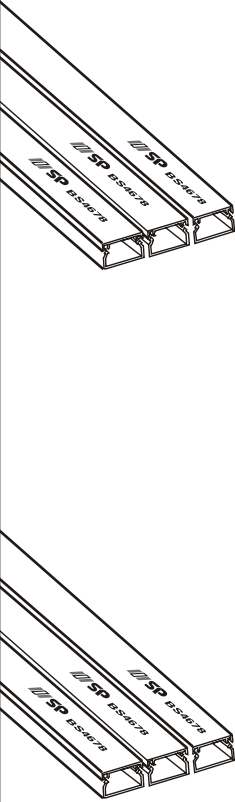
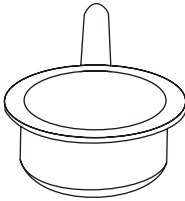
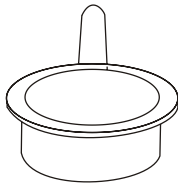
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Hộp nối dây tự âm chống cháy (Loại mở lỗ tại hiện trường) - Flush Adaptable Box			
	E265A/1	Hộp nối dây âm tự chống cháy 80 x 80 x 50 (3x3x2) 80mm x 80mm x 50mm (3x3x2) Flush Adaptable Box	16.000
	E265A/2	Hộp nối dây âm tự chống cháy 110 x 110 x 50 (4x4x2) 110mm x 110mm x 50mm (4x4x2) Flush Adaptable Box	20.000
	E265A/23	Hộp nối dây âm tự chống cháy 110 x 110 x 80 (4x4x3) 110mm x 110mm x 80mm (4x4x3) Flush Adaptable Box	30.200
	E265A/3	Hộp nối dây âm tự chống cháy 160 x 160 x 50 (6x6x2) 160mm x 160mm x 50mm (6x6x2) Flush Adaptable Box	41.800
	E265A/33	Hộp nối dây âm tự chống cháy 160 x 160 x 80 (6x6x3) 160mm x 160mm x 80mm (6x6x3) Flush Adaptable Box	62.800
	E265A/43	Hộp nối dây âm tự chống cháy 185mmx185mmx80mm (7x7x3) 185mm x 185mm x 80mm (7x7x3) Flush Adaptable Box	75.600
	E265A/53	Hộp nối dây âm tự chống cháy 235mmx235mmx80mm (9x9x3) 235mm x 235mm x 80mm (9x9x3) Flush Adaptable Box	116.000
Hộp nối dây âm tự chống cháy (Loại có lỗ chờ sẵn) - Flush Adaptable Box			
	E265A/1X	Hộp nối dây âm tự chống cháy 80 x 80 x 50 (3x3x2) 80mm x 80mm x 50mm (3x3x2) Flush Adaptable Box	16.000
	E265A/2X	Hộp nối dây âm tự chống cháy 110 x 110 x 50 (4x4x2) 110mm x 110mm x 50mm (4x4x2) Flush Adaptable Box	20.000
	E265A/23X	Hộp nối dây âm tự chống cháy 110 x 110 x 80 (4x4x3) 110mm x 110mm x 80mm (4x4x3) Flush Adaptable Box	30.200
	E265A/3X	Hộp nối dây âm tự chống cháy 160 x 160 x 50 (6x6x2) 160mm x 160mm x 50mm (6x6x2) Flush Adaptable Box	41.800
	E265A/33X	Hộp nối dây âm tự chống cháy 160 x 160 x 80 (6x6x3) 160mm x 160mm x 80mm (6x6x3) Flush Adaptable Box	62.800
Hộp nối dây âm tròn, tự chống cháy (Loại có lỗ chờ sẵn) - Flush Round Adaptable Box			
	E265A/R	Hộp nối dây âm tròn tự chống cháy D85 Ø85mm Flush Round Adaptable Box	9.100
	E265A/R2	Hộp nối dây âm tròn tự chống cháy D105 Ø105mm Flush Round Adaptable Box	12.200

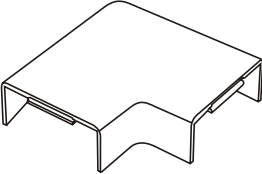
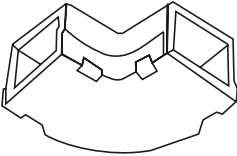
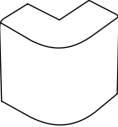
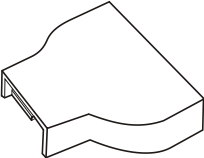
DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Đầu + khớp nối ren - Connectors			
	E258+281/16	Đầu + khớp nối ren Ø16 16mm Male And Female Screwed Coupling	2.200
	E258+281/20	Đầu + khớp nối ren Ø20 20mm Male And Female Screwed Coupling	2.320
	E258+281/25	Đầu + khớp nối ren Ø25 25mm Male And Female Screwed Coupling	2.950
	E258+281/32	Đầu + khớp nối ren Ø32 32mm Male And Female Screwed Coupling	4.900
	E258+281/40	Đầu + khớp nối ren Ø40 40mm Male And Female Screwed Coupling	10.500
	E258+281/50	Đầu + khớp nối ren Ø50 50mm Male And Female Screwed Coupling	15.800
Cút thu - Adaptor			
	LSB19	Cút thu 20/16 20mm To 16mm Reducer	2.200
	LSB20	Cút thu 25/20 25mm To 20mm Reducer	2.880
	LSB21	Cút thu 32/25 32mm To 25mm Reducer	3.380
	LSB22	Cút thu 40/32 40mm To 32mm Reducer	8.200
Kẹp đỡ ống - Mouting Clips			
	E280/16	Kẹp đỡ ống Ø16 16mm Mounting Clip	1.180
	E280/20	Kẹp đỡ ống Ø20 20mm Mounting Clip	1.280
	E280/25	Kẹp đỡ ống Ø25 25mm Mounting Clip	2.200
	E280/32	Kẹp đỡ ống Ø32 32mm Mounting Clip	2.580
	E280/40	Kẹp đỡ ống Ø40 40mm Mounting Clip	3.380
	E280/50	Kẹp đỡ ống Ø50 50mm Mounting Clip	5.460
Kìm cắt ống - Conduit Cutter			
	PVC 1-5/8"	Kìm cắt ống PVC Duct tongs	440.000

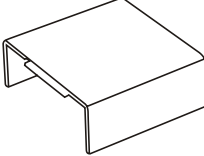
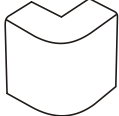
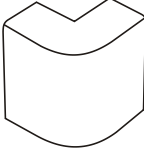
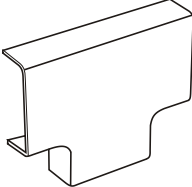
Cút chữ T - Inspection Tees			
	E246/16	Cút chữ T Ø16 16mm Inspection Tee	4.900
	E246/20	Cút chữ T Ø20 20mm Inspection Tee	6.850
	E246/25	Cút chữ T Ø25 25mm Inspection Tee	8.750
	E246/32	Cút chữ T Ø32 32mm Inspection Tee	11.200
Cút chữ T không nắp - Inspection Tees without Coven			
 	E246/16S	Cút chữ T Ø16 không nắp 16mm Inspection Tee	4.350
	E246/20S	Cút chữ T Ø20 không nắp 20mm Inspection Tee	5.720
	E246/25S	Cút chữ T Ø25 không nắp 25mm Inspection Tee	7.650
	E246/32S	Cút chữ T Ø32 không nắp 32mm Inspection Tee	9.580
	E246/40S	Cút chữ T Ø40 không nắp 40mm Inspection Tee	21.600
	E246/50S	Cút chữ T Ø50 không nắp 50mm Inspection Tee	26.000
Cút chữ L - Inspection Elbow			
	E244/16	Cút chữ L Ø16 16mm Inspection Elbow	3.380
	E244/20	Cút chữ L Ø20 20mm Inspection Elbow	4.850
	E244/25	Cút chữ L Ø25 25mm Inspection Elbow	8.000
	E244/32	Cút chữ L Ø32 32mm Inspection Elbow	11.600
Cút chữ L không nắp - Inspection Elbow without Coven			
 	E244/16S	Cút chữ L không nắp Ø16 16mm Inspection Elbow	3.000
	E244/20S	Cút chữ L không nắp Ø20 20mm Inspection Elbow	4.200
	E244/25S	Cút chữ L không nắp Ø25 25mm Inspection Elbow	7.000
	E244/32S	Cút chữ L không nắp Ø32 32mm Inspection Elbow	10.200
	E244/40S	Cút chữ L không nắp Ø40 40mm Inspection Elbow	18.000
	E244/50S	Cút chữ L không nắp Ø50 50mm Inspection Elbow	24.000
Lò xo uốn ống điện - Dừng cho ống lắp chìm - Conduit Bending Spring - For Recessed Mounted			
	LSS16	Lò xo uốn ống - SP16 16mm Conduit Bending Spring	63.600
	LSS20	Lò xo uốn ống - SP20 20mm Conduit Bending Spring	73.500
	LSS25	Lò xo uốn ống - SP25 25mm Conduit Bending Spring	96.500
	LSS32	Lò xo uốn ống - SP32 32mm Conduit Bending Spring	124.000
	LSS40	Lò xo uốn ống - SP40 40mm Conduit Bending Spring	229.000
	LSS50	Lò xo uốn ống - SP50 50mm Conduit Bending Spring	280.000

DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Hộp nối dây tự chống cháy (Loại mở lỗ tại hiện trường) - Adaptable Box			
	E265/1	Hộp nối dây tự chống cháy 80 x 80 x 50 (3x3x2) 80mm x 80mm x 50mm (3x3x2) Adaptable Box	14.200
	E265/2	Hộp nối dây tự chống cháy 110 x 110 x 50 (4x4x2) 110mm x 110mm x 50mm (4x4x2) Adaptable Box	18.200
	E265/23	Hộp nối dây tự chống cháy 110 x 110 x 80 (4x4x3) 110mm x 110mm x 80mm (4x4x3) Adaptable Box	27.500
	E265/3	Hộp nối dây tự chống cháy 160 x 160 x 50 (6x6x2) 160mm x 160mm x 50mm (6x6x2) Adaptable Box	37.600
	E265/33	Hộp nối dây tự chống cháy 160 x 160 x 80 (6x6x3) 160mm x 160mm x 80mm (6x6x3) Adaptable Box	56.800
	E265/43	Hộp nối dây loại 185mm x 185mm x 80mm (7x7x3) 185mm x 185mm x 80mm (7x7x3) Adaptable Box	68.000
	E265/53	Hộp nối dây loại 235mm x 235mm x 80mm (9x9x3) 235mm x 235mm x 80mm (9x9x3) Adaptable Box	104.000
Hộp nối dây tự chống cháy (Loại có lỗ chờ sẵn) - Adaptable Box			
	E265/1X	Hộp nối dây tự chống cháy 80 x 80 x 50 (3x3x2) 80mm x 80mm x 50mm (3x3x2) Adaptable Box	14.200
	E265/2X	Hộp nối dây tự chống cháy 110 x 110 x 50 (4x4x2) 110mm x 110mm x 50mm (4x4x2) Adaptable Box	18.200
	E265/23X	Hộp nối dây tự chống cháy 110 x 110 x 80 (4x4x3) 110mm x 110mm x 80mm (4x4x3) Adaptable Box	27.500
	E265/3X	Hộp nối dây tự chống cháy 160 x 160 x 50 (6x6x2) 160mm x 160mm x 50mm (6x6x2) Adaptable Box	37.600
	E265/33X	Hộp nối dây tự chống cháy 160 x 160 x 80 (6x6x3) 160mm x 160mm x 80mm (6x6x3) Adaptable Box	56.800
Hộp nối dây tròn tự chống cháy (Loại có lỗ chờ sẵn) - Round Adaptable Box			
	E265/R	Hộp nối dây tròn tự chống cháy D85 Ø85mm Round Adaptable Box	8.500
	E265/R2	Hộp nối dây tròn tự chống cháy D105 Ø105mm Round Adaptable Box	11.200

DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Cút chữ L dẹt (Góc trong) - Flat Bends (Internal Corner)			
	AE15/B	Cút chữ L dẹt góc trong 15mm x 10mm 15mm x 10mm Flat Bend (Internal Corner)	2.320
	AE24/B	Cút chữ L dẹt góc trong 24mm x 14mm 24mm x 14mm Flat Bend (Internal Corner)	4.260
	AE39/B01	Cút chữ L dẹt góc trong 39mm x 18mm 39mm x 18mm Flat Bend (Internal Corner)	5.880
	AE60/B01	Cút chữ L dẹt góc trong 60mm x 22mm 60mm x 22mm Flat Bend (Internal Corner)	10.200
	AE60/B02	Cút chữ L dẹt góc trong 60mm x 40mm 60mm x 40mm Flat Bend (Internal Corner)	16.500
	AE80/B	Cút chữ L dẹt góc trong 80mm x 40mm 80mm x 40mm Flat Bend (Internal Corner)	18.500
	AE100/B01	Cút chữ L dẹt góc trong 100mm x 27mm 100mm x 27mm Flat Bend (Internal Corner)	19.200
	AE100/B02	Cút chữ L dẹt góc trong 100mm x 40mm 100mm x 40mm Flat Bend (Internal Corner)	20.000
Cút chữ T dẹt (Không đồng cỡ) - Unequal Tees			
	AF2439/A1	Cút chữ T dẹt 24mm x 14mm/39mm x 18mm 24mm x 14mm/39mm x 18mm Unequal Tee	6.450
	AF3960/A101	Cút chữ T dẹt 39mm x 18mm/60mm x 22mm 39mm x 18mm/60mm x 22mm Unequal Tee	11.000
	AF3960/A102	Cút chữ T dẹt 39mm x 18mm/60mm x 40mm 39mm x 18mm/60mm x 40mm Unequal Tee	14.200
Đế âm nhựa tự chống cháy - Fire Resistant Flush Box			
	S3157L	Đế âm nhựa tự chống cháy dùng cho các mặt vuông - loại thấp (KT: 75x75x39) Fire Resistant Flush Box (Size: 75x75x39)	4.860
	S3157H	Đế âm nhựa tự chống cháy dùng cho các mặt vuông - loại cao (KT: 75x75x51) Fire Resistant Flush Box (Size: 75x75x51)	5.320

DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Máng ghen luồn dây điện có nắp - Proof Trunkings			
	GA14	Máng ghen luồn dây điện có nắp 14mm x 8mm - 2m 14mm x 8mm Cable Trunking - 2m/Piece	8.000
	GA16	Máng ghen luồn dây điện có nắp 16mm x 14mm - 2m 16mm x 14mm Cable Trunking - 2m/Piece	12.600
	GA24	Máng ghen luồn dây điện có nắp 24mm x 14mm - 2m 24mm x 14mm Cable Trunking - 2m/Piece	17.200
	GA30	Máng ghen luồn dây điện có nắp 30mm x 14mm - 2m 30mm x 14mm Cable Trunking - 2m/Piece	24.000
	GA15	Máng ghen luồn dây điện có nắp 15mm x 10mm - 2m 15mm x 10mm Cable Trunking - 2m/Piece	9.600
	GA28	Máng ghen luồn dây điện có nắp 28mm x 10mm - 2m 28mm x 10mm Cable Trunking - 2m/Piece	17.000
	GA39/01	Máng ghen luồn dây điện có nắp 39mm x 18mm - 2m 39mm x 18mm Cable Trunking - 2m/Piece	31.000
	GA60/01	Máng ghen luồn dây điện có nắp 60mm x 22mm - 2m 60mm x 22mm Cable Trunking - 2m/Piece	60.800
	GA60/02	Máng ghen luồn dây điện có nắp 60mm x 40mm - 2m 60mm x 40mm Cable Trunking - 2m/Piece	75.000
	GA80	Máng ghen luồn dây điện có nắp 80mm x 40mm - 2m 80mm x 40mm Cable Trunking - 2m/Piece	104.000
	GA80/02	Máng ghen luồn dây điện có nắp 80mm x 60mm - 2m 80mm x 60mm Cable Trunking - 2m/Piece	159.000
	GA100/01	Máng ghen luồn dây điện có nắp 100mm x 27mm - 2m 100mm x 27mm Cable Trunking - 2m/Piece	115.000
	GA100/02	Máng ghen luồn dây điện có nắp 100mm x 40mm - 2m 100mm x 40mm Cable Trunking - 2m/Piece	120.000
	GA100/03	Máng ghen luồn dây điện có nắp 100mm x 60mm - 2m 100mm x 60mm Cable Trunking - 2m/Piece	199.000
	GA120	Máng ghen luồn dây điện có nắp 120mm x 40mm - 2m 120mm x 40mm Cable Trunking - 2m/Piece	238.000
Nút bịt ống - Conduit End Cap			
	SPB16	Nút bịt đầu chờ ống Ø16 16mm Conduit End Cap	1.050
	SPB20/C16	Nút bịt đầu chờ ống Ø20 và phụ kiện Ø16 20mm Conduit End Cap and 16mm Coupling End Cap	1.280
	SPB25	Nút bịt đầu chờ ống Ø25 25mm Conduit End Cap	1.850
Nút bịt phụ kiện - Coupling End Cap			
	SPBC20	Nút bịt đầu chờ phụ kiện Ø20 20mm Coupling End Cap	1.280
	SPBC25	Nút bịt đầu chờ phụ kiện Ø25 25mm Coupling End Cap	1.850

DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Cút chữ L dẹt (Góc vuông) - Flat Bends			
	AE15	Cút chữ L dẹt góc vuông 15mm x 10mm 15mm x 10mm Flat Bend	2.320
	AE24	Cút chữ L dẹt góc vuông 24mm x 14mm 24mm x 14mm Flat Bend	3.200
	AE39/01	Cút chữ L dẹt góc vuông 39mm x 18mm 39mm x 18mm Flat Bend	6.680
	AE60/01	Cút chữ L dẹt góc vuông 60mm x 22mm 60mm x 22mm Flat Bend	11.200
	AE100/01	Cút chữ L dẹt góc vuông 100mm x 27mm 100mm x 27mm Flat Bend	22.600
	AE100/02	Cút chữ L dẹt góc vuông 100mm x 40mm 100mm x 40mm Flat Bend	25.200
Cút chữ L dẹt (Góc tròn) - Flat Bends (Fabricated)			
	AE24/T	Cút chữ L dẹt góc tròn 24mm x 14mm 24mm x 14mm Flat Bend (Fabricated)	4.900
	AE39/T01	Cút chữ L dẹt góc tròn 39mm x 18mm 39mm x 18mm Flat Bend (Fabricated)	8.500
	AE60/T01	Cút chữ L dẹt góc tròn 60mm x 22mm 60mm x 22mm Flat Bend (Fabricated)	18.800
	AE60/T02	Cút chữ L dẹt góc tròn 60mm x 40mm 60mm x 40mm Flat Bend (Fabricated)	38.000
Cút chữ L dẹt (Góc ngoài) - Flat Bends (External Corner)			
	AE15/A	Cút chữ L dẹt góc ngoài 15mm x 10mm 15mm x 10mm Flat Bend (External Corner)	2.860
	AE24/A	Cút chữ L dẹt góc ngoài 24mm x 14mm 24mm x 14mm Flat Bend (External Corner)	3.200
Cút thu dẹt - Flat Adaptor			
	LSA35	Cút thu dẹt 39mm x 18mm/24mm x 14mm 39mm x 18mm to 24mm x 14mm Reducer	2.320
	LSA36	Cút thu dẹt 60mm x 22mm/39mm x 18mm 60mm x 22mm to 39mm x 18mm Reducer	4.650
	LSA37	Cút thu dẹt 100mm x 27mm/60mm x 22mm 100mm x 27mm to 60mm x 22mm Reducer	8.750

DESIGN Kiểu dáng	CAT.NO Mã số	DESCRIPTION Diễn giải	UNIT PRICE Đơn giá (VND)
Cút nối dẹt - Flat Connectors			
	AH24	Cút nối dẹt 24mm x 14mm 24mm x 14mm Flat Connector	2.320
	AH39/01	Cút nối dẹt 39mm x 18mm 39mm x 18mm Flat Connector	4.900
	AH60/01	Cút nối dẹt 60mm x 22mm 60mm x 22mm Flat Connector	8.420
	AH100/02	Cút nối dẹt 100mm x 40mm 100mm x 40mm Flat Connector	17.600
Cút chữ L dẹt (Góc ngoài) - Flat Bends (External corner)			
 	AE39/A01	Cút chữ L dẹt góc ngoài 39mm x 18mm 39mm x 18mm Flat Bend (External corner)	4.900
	AE60/A01	Cút chữ L dẹt góc ngoài 60mm x 22mm 60mm x 22mm Flat Bend(External corner)	10.200
	AE60/A02	Cút chữ L dẹt góc ngoài 60mm x 40mm 60mm x 40mm Flat Bend (External corner)	17.600
	AE80/A	Cút chữ L dẹt góc ngoài 80mm x 40mm 80mm x 40mm Flat Bend (External corner)	20.500
	AE100/A01	Cút chữ L dẹt góc ngoài 100mm x 27mm 100mm x 27mm Flat Bend (External corner)	17.600
	AE100/A02	Cút chữ L dẹt góc ngoài 100mm x 40mm 100mm x 40mm Flat Bend (External corner)	21.200
Cút T dẹt (Đồng cỡ) - Equal Tees			
	AF15	Cút chữ T dẹt 15mm x 10mm 15mm x 10mm Equal Tee	2.320
	AF24	Cút chữ T dẹt 24mm x 14mm 24mm x 14mm Equal Tee	4.900
	AF39/01	Cút chữ T dẹt 39mm x 18mm 24mm x 14mm Equal Tee	8.750
	AF60/01	Cút chữ T dẹt 60mm x 22mm 60mm x 22mm Equal Tee	12.500
	AF60/02	Cút chữ T dẹt 60mm x 40mm 60mm x 40mm Equal Tee	21.600
	AF100/01	Cút chữ T dẹt 100mm x 27mm 100mm x 27mm Equal Tee	23.200
	AF100/02	Cút chữ T dẹt 100mm x 40mm 100mm x 40mm Equal Tee	26.000